TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tòng
Ông Nguyễn Văn Dương

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 70/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/9/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quách Thị L, sinh năm 1995
Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình cũ (nay là xã A, tỉnh Phú Thọ)
Có đơn xin xét xử mặt.

Bị đơn: Anh Vi Văn T, sinh năm 1994
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N cũ (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa
Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện* ngày 01/11/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Quách Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vi Văn T tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2016 nhưng đến ngày 07/5/2018 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N cũ (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do: tính cách không hợp, quan điểm sống không giống nhau nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, to tiếng với nhau. Từ năm 2020, chị L đã mang hai con về quê chị để ở và vợ

chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng; mục đích hôn nhân không đạt được; đời sống hôn nhân thực tế đã không còn; nên chị Quách Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Vi Văn T.

- *Về con chung:* Chị và anh Vi Văn T có 02 con chung là: Vi Thị Anh T1, sinh ngày 30/7/2017 và Vi Thị Yến N, sinh ngày 2710/2020. Cả hai cháu hiện đang ở với chị L và phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cả hai cháu T1 và N. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và công nợ: Chị Quách Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Quách Thị L còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh các cháu Anh T1 và Yến N (bản sao có chứng thực); Căn cước công dân của chị (bản sao có chứng thực); Giấy xác nhận thông tin về cư trú của vợ chồng; Đơn đề nghị không tiến hành hoà giải tại Trung tâm H; Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa và Đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Về phía bị đơn,* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho anh Vi Văn T các văn bản tố tụng của Tòa án, bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa ... nhưng anh T không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Tòa án đã đến nhà anh T để hỏi ý kiến của anh về yêu cầu khởi kiện của chị L.

Tại Bản tự khai ngày 27/8/2025, anh Vi Văn T thừa nhận cơ sở kết hôn và tình trạng hôn nhân của vợ chồng đúng như chị L đã trình bày trình bày. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị L. Về con chung, anh T công nhận số con chung của vợ chồng như chị L đã trình bày. Anh đề nghị được nuôi một trong hai con chung của anh và chị L. Về tài sản và công nợ, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại Đơn đề nghị ngày 25/12/2024,* cháu Vi Thị Anh T1 là con của chị L và anh T trình bày nguyện vọng được ở với chị L.

* *Tại các biên bản xác minh ngày 04/5/2025 và ngày 08/5/2025*, ông Vi Văn S là bố đẻ anh T cung cấp thông tin: Về hôn nhân: Cơ sở kết hôn và tình trạng hôn nhân của chi L và anh T đúng như chi L đã trình bày. Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn, bản thân ông và gia đình đã khuyên giải như không có kết quả. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về điều kiện nuôi con: Anh T đi lao động xa, ít về nhà. Thu nhập của anh khoảng 7.000.000đồng/tháng. Ông S tôn trọng sự lựa chọn của chị L, anh T và không có ý kiến gì. Về sự vắng mặt của anh T: anh T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án nhưng anh để chị L tự giải quyết với Tòa án.

* *Tòa án đã ủy thác* cho Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình cũ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Phú Thọ) để thu thập tài liệu chứng cứ về điều kiện nuôi con của chị Quách Thị L nhưng không nhận được kết quả trả lời thì nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án trên cơ sở chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án.

* *Tòa án đã thông báo yêu cầu* chị L, anh T giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con chưa thành niên nhưng anh T không nộp. Chị L đã nộp cho Tòa án các văn bản: Giấy xác nhận mức thu nhập (10.000.000đồng/tháng); Giấy cam kết của ông Quách Tất C (bố chị L) về việc cho chị L cùng các con của chị được ở nhà của ông.

* *Tại phiên tòa:* Chị Quách Thị L có đơn xin xử vắng mặt, anh Vi Văn Thanh vắng M không có lý do.

Phần tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

* *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Vân A. Theo đó, xử cho chị Quách Thị L được ly hôn anh Vi Văn T; giao các cháu Vi Thị Anh T1 và Vi Thị Yến N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Về án phí, đề nghị buộc chị Quách Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn xã T, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tô tụng Dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh T.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị L và anh Vi Văn T tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2016 nhưng đến ngày 07/5/2018 mới tiến hành đăng ký kết hôn; do đó hôn nhân giữa chị L và anh T được coi là hôn nhân hợp pháp từ ngày 07/5/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do: tính cách không hợp, quan điểm sống không giống nhau nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, to tiếng với nhau. Chị L và anh T đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L. Theo đó, xử cho chị Quách Thị L được ly hôn anh Vi Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Quách Thị L và anh Vi Văn T có 02 con chung là: Vi Thị Anh T1, sinh ngày 30/7/2017 và Vi Thị Yến N, sinh ngày 2710/2020. Xét nguyện vọng của chị L và anh T về trách nhiệm nuôi con chung thấy rằng: Chị L đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ, chứng minh chị đủ điều kiện nuôi 02 con chưa thanh niên. Ngược lại, anh T không nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện của anh về nuôi con chưa thành niên. Mặt khác, lâu nay cả hai cháu Anh T1 và Yến N đều do mình chị L nuôi dưỡng, đảm bảo phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ. Ngoài ra, cháu Anh T1 có nguyện vọng được ở với chị L. Vì vậy, để đảm bảo đời sống của các cháu không bị xáo trộn, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Quách Thị L; giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung của chị và anh T là phù hợp, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị Quách Thị L và anh Vi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị Quách Thị L là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Vi Văn T không phải chịu án phí.

[7] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa, nhân dân Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào: Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị L, cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị L được ly hôn anh Vi Văn T.

Về con chung: Giao các cháu Vi Thị Anh T1, sinh ngày 30/7/2017 và Vi Thị Yến N, sinh ngày 2710/2020, là con chung của chị Quách Thị L và anh Vi Văn T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Anh Vi Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Quách Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí chị L phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005595 ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh cũ (này là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9), tỉnh Thanh Hóa; chị Quách Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9;*
- *UBND xã Thanh Kỳ;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;*
- *Chi cục THA DS (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Đình Huy